

TƯƠNG QUAN GIỮA ĐỘNG CƠ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

Lưu Song Hà

Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Trần Hoàng Thị Diễm Ngọc

Trường Đại học Thăng Long.

TÓM TẮT

Nghiên cứu tương quan giữa động cơ học tập và điều kiện học tập của sinh viên trên 634 sinh viên Trường Đại học Thăng Long. Trong nghiên cứu này, động cơ học tập của sinh viên được hiểu là sự định hướng, kích thích, thúc đẩy, duy trì hoạt động học tập của các em, được xem xét bởi động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội. Điều kiện học tập tại Trường Đại học Thăng Long bao gồm điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, động cơ học tập và điều kiện học tập của sinh viên đều nằm ở mức cao. Động cơ hoàn thiện tri thức của sinh viên cao hơn động cơ quan hệ xã hội của các em và điều kiện cơ sở vật chất được nhìn nhận tốt hơn điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Động cơ học tập của những sinh viên này có tương quan thuận với điều kiện học tập của các em. Sự thay đổi điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên dự báo sự thay đổi động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội, tuy nhiên tỷ lệ dự báo này không cao. Điều này có nghĩa là động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác trong trường học, ở gia đình và ngoài xã hội.

Từ khóa: Động cơ học tập; Động cơ hoàn thiện tri thức; Động cơ quan hệ xã hội; Điều kiện học tập; Sinh viên đại học.

Ngày nhận bài: 18/8/2020; Ngày duyệt đăng bài: 25/10/2020.

1. Giới thiệu

Học tập là một trong những hoạt động sống của con người nhằm có được tri thức, kỹ năng giúp hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách của

minh. Tuy nhiên, nếu người học không xác lập được động cơ học tập đúng đắn cho bản thân thì không thể đạt được mục đích học tập.

Phạm Minh Hạc (2011) cho rằng, động cơ học tập là nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả học tập của người học. Đối với người học nói chung và sinh viên đại học nói riêng, động cơ học tập không có sẵn, không thể áp đặt mà phải rèn luyện để hình thành trong hoạt động học tập của các em. Trong quá trình đó, giảng viên, cố vấn học tập, cán bộ các phòng chức năng là những người giúp đỡ, dẫn dắt để sinh viên tự hình thành động cơ học tập cho bản thân.

Động cơ của con người được hiểu là một biểu hiện tâm lý hoạt động liên quan đến nhu cầu và hứng thú của họ. Nhu cầu là sự đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần phải thỏa mãn trong những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển. Hứng thú là thái độ đặc biệt của một cá nhân đối với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa trong cuộc sống, vừa đem lại cho cá nhân sự hấp dẫn về mặt tình cảm. Trong tâm lý học, có nhiều quan niệm khác nhau về động cơ hoạt động của con người, song điềm chung thống nhất trong các cách nhìn nhận về hiện tượng tâm lý này là xem động cơ như là sự định hướng, kích thích, thúc đẩy và duy trì hành vi của con người. Nghiên cứu của Dương Thị Kim Oanh (2013) đã chứng minh động cơ là yếu tố tâm lý phản ánh đối tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu của chủ thể, định hướng, thúc đẩy và duy trì hoạt động của chủ thể nhằm chiếm lĩnh đối tượng đó.

Đo lường kiến thức thu nhận của sinh viên khối ngành kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đình Thọ và cộng sự (2008) đưa ra kết luận là năng lực giảng viên càng cao thì tác động đến động cơ học tập của sinh viên càng mạnh. Các tác giả này đã cho rằng, có tác động rất mạnh từ năng lực giảng viên đến động cơ học tập của sinh viên và kiến thức thu nhận của sinh viên, động cơ học tập của sinh viên cũng tác động mạnh tới kiến thức thu nhận của các em.

Phan Đình Nguyên (2013) đã xây dựng mô hình xem xét 8 nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo đại học và cao đẳng của một số trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đó là cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, tổ chức quản lý đào tạo, môi trường học tập, đánh giá kết quả học tập, chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ hỗ trợ và năng lực người học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cơ sở vật chất là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong chất lượng đào tạo.

Connell (1990), Connell và Wellborn (1991), Deci và Ryan (1985) cho rằng, nguồn động lực (xuất phát từ động cơ) là nội tâm của người học nên khi môi trường xã hội tạo điều kiện cho việc hình thành nhu cầu tâm lý cơ bản của họ thì động lực sẽ phát triển. Nghiên cứu của Pintrich (1991), Stipek (1988) đã

chứng minh hiệu quả của người học có động lực cao thể hiện qua sự nhiệt tình, thích thú, tò mò tìm hiểu những kiến thức liên quan đến bài học. Ngoài ra, để dẫn đến thành công, người học cần cố gắng, kiên trì và tích cực đối phó với những thay đổi và thất bại. Thụy N.T. Thai, Bram De Wever, Martin Valecke (1997) đã chứng minh bằng thực nghiệm và đi đến kết luận rằng, có sự ảnh hưởng qua lại giữa động lực của người học và hành vi của giáo viên trong lớp học.

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu phân tích kết quả đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thăng Long về động cơ học tập và điều kiện học tập của chính các em, sau đó xem xét mối tương quan giữa hai nhân tố này.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu khảo sát

Tổng số mẫu khảo sát định lượng là 634 sinh viên của Trường Đại học Thăng Long với những đặc điểm nhân khẩu - xã hội được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm của mẫu nghiên cứu định lượng

Các tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	237	37,4
	Nữ	397	62,6
Năm học	Năm thứ nhất	169	26,7
	Năm thứ hai	242	38,2
	Năm thứ ba	112	17,7
	Năm thứ tư	111	17,5
Làm thêm	Có làm thêm	325	51,3
	Không làm thêm	309	48,7
Tổng		634	100,0

Tổng số mẫu khảo sát định tính được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm 24 trường hợp phỏng vấn sâu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính được sử dụng với mục đích nghiên cứu thực trạng và mức độ ảnh hưởng của điều kiện học tập đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu sâu

động cơ học tập nổi trội của sinh viên và mối tương quan giữa động cơ học tập với điều kiện học tập của những sinh viên này. Các thông tin được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp sinh viên đại học thuộc mẫu nghiên cứu.

Dữ liệu đã thu thập được xử lý bằng bảng chương trình SPSS trong môi trường Window, phiên bản 21.0.

Chúng tôi tiến hành xây dựng hai thang đo: (1) Thang đo về động cơ học tập và (2) Thang đo về điều kiện học tập. Ở đây, phương pháp phân tích nhân tố EFA và phép kiểm định độ tin cậy Alpha của Cronbach đã được sử dụng để xác định độ giá trị và độ ổn định của hai thang đo.

Mỗi mệnh đề trong các thang đo đều có 4 phương án trả lời và điểm tương ứng được quy gán như sau: Hoàn toàn sai: 1 điểm; Về cơ bản là sai: 2 điểm; Về cơ bản là đúng: 3 điểm và Hoàn toàn đúng: 4 điểm. Điểm trung bình (M) càng cao thì sinh viên càng có động cơ học tập tích cực và càng có điều kiện học tập tốt.

Kết quả phân tích nhân tố của thang đo về động cơ học tập cho thấy, chỉ số KMO là $0,84 > 0,5$, chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp. Kết quả kiểm định Bartlett là 3030,99 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 ($< 0,05$), nghĩa là các biến quan sát có tương quan với nhau và thỏa mãn điều kiện phân tích nhân tố. Kết quả phân tích nhân tố theo Principal components với phép quay Varimax cho thấy, 9 biến quan sát được chia thành 2 nhóm. Giá trị tổng phương sai trích là 68,0% ($> 50\%$), có thể nói rằng, 2 nhân tố này giải thích được 68,0% biến thiên của dữ liệu. Giá trị hệ số Eigenvalues của 2 nhân tố đều lớn hơn 1. Các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5 và không có biến nào cùng lúc tải lên cả hai nhân tố với hệ số tải gần nhau nên 2 nhân tố đảm bảo được giá trị hội tụ và phân biệt khi phân tích EFA. 2 nhân tố được đặt tên như sau: (1) Động cơ hoàn thiện tri thức (viết tắt là ĐC1), gồm: ĐCa1, ĐCa2, ĐCa3, ĐCa4, ĐCa5; (2) Động cơ quan hệ xã hội (viết tắt là ĐC2), gồm: ĐCa6, ĐCa7, ĐCa8, ĐCa9. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy, các biến quan sát trong nhóm ĐC1 và ĐC2 có hệ số tương quan biên tổng đều lớn hơn 0,3. Hệ số Alpha của Cronbach của ĐC1 là 0,89 và ĐC2 là 0,80 đều lớn hơn 0,6, nên độ tin cậy đều đạt yêu cầu (Nunnally J., 1978)⁽¹⁾. Vì vậy, sau khi phân tích nhân tố EFA và xác định độ tin cậy Alpha của Cronbach thì nhân tố “Động cơ học tập” được sử dụng như biến phụ thuộc cho các bước phân tích tiếp theo.

Kết quả phân tích nhân tố của Thang đo về điều kiện học tập cho thấy, chỉ số KMO = 0,88 ($> 0,5$) và kết quả kiểm định Bartlett's là 3910,96 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 ($< 0,05$). Kết quả phân tích nhân tố theo Principal components với phép quay Varimax cho thấy, 9 biến quan sát được nhóm thành 2 nhóm, giá trị tổng phương sai trích = 74,3% ($> 50\%$), giá trị hệ số Eigenvalues của

các nhân tố đều lớn hơn 1. Các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5 và không có biến nào cùng lúc tải lên cả hai nhân tố với hệ số tải gần nhau. Nên các nhân tố đảm bảo được giá trị hội tụ và phân biệt khi phân tích EFA. Hai nhóm nhân tố được đặt tên như sau: (1) Điều kiện về cơ sở vật chất (viết tắt là ĐK1), gồm: ĐKa1, ĐKa2, ĐKa3, ĐKa4, ĐKa5; (2) Điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên (viết tắt là ĐK2), gồm: ĐKa6, ĐKa7, ĐKa8, ĐKa9 - ĐK2. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy, các biến quan sát trong nhóm ĐK1 và ĐK2 có hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Hệ số Alpha của Cronbach của ĐK1 là 0,90 và ĐK2 là 0,80 đều lớn hơn 0,6 nên độ tin cậy đều đạt yêu cầu (Nunnally J., 1978)⁽²⁾. Vì vậy, sau khi phân tích nhân tố EFA và xác định độ tin cậy Alpha của Cronbach thì hai nhân tố “Điều kiện về cơ sở vật chất” và “Điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên” được sử dụng như hai biến độc lập.

Bảng 2: Kết quả phân tích nhân tố khám phá và kiểm định độ tin cậy thang đo

Mô hình		Phân tích nhân tố khám phá				Độ tin cậy			
		Các biến quan sát	Các nhân tố		Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số tin cậy nếu loại biến đang xem xét	Hệ số tin cậy của thang đo		
			1	2					
Động cơ học tập	ĐC1	Các nhân tố sau phép xoay ma trận	ĐCa1	0,86		0,76	0,87	0,90	
			ĐCa2	0,85		0,77	0,87		
			ĐCa3	0,82		0,73	0,88		
			ĐCa4	0,80		0,73	0,88		
			ĐCa5	0,79		0,75	0,87		
	ĐC2		ĐCa6		0,86		0,52	0,80	0,80
			ĐCa7		0,77		0,72	0,70	
			ĐCa8		0,76		0,63	0,75	
			ĐCa9		0,70		0,61	0,76	
	Hệ số Eigenvalue			4,41	1,71				
	Giá trị tổng phương sai trích			67,99					
Chỉ số KMO			0,84						
Kiểm định Bartlett's	Khoang Chi-Square	3030,99							

		Mức ý nghĩa Sig.	0.000					
Điều kiện học tập	ĐK1	Các nhân tố sau phép xoay ma trận	ĐKa1	0,80		0,73	0,89	0,90
			ĐKa2	0,87		0,80	0,87	
			ĐKa3	0,84		0,78	0,87	
			ĐKa4	0,80		0,77	0,88	
			ĐKa5	0,74		0,70	0,89	
	ĐK2		ĐKa6		0,81	0,74	0,89	0,90
			ĐKa7		0,86	0,81	0,86	
			ĐKa8		0,85	0,79	0,87	
			ĐKa9		0,85	0,79	0,87	
	Hệ số Eigenvalue			5,18	1,50			
	Giá trị tổng phương sai trích			74,25				
	Chi số KMO			0,88				
	Kiểm định Bartlett's	Khoảng Chi-Square	3910,96					
		Mức ý nghĩa Sig.	0,000					

Trong nghiên cứu này, kỹ thuật phân tích thống kê mô tả, phương pháp phân tích độ tin cậy, phép kiểm định sự khác biệt và phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đã được sử dụng để xác định động cơ học tập, điều kiện học tập và ảnh hưởng của điều kiện học tập đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long

Động cơ học tập là nhân tố quan trọng có tính quyết định đối với chất lượng, hiệu quả học tập của sinh viên. Có những sinh viên tham gia quá trình học tập mà không có động cơ giống như người đi đường mất phương hướng vì không có chủ đích. Bên cạnh đó, cũng có những sinh viên đi học tuy có động cơ học tập rõ ràng nhưng nếu không thường xuyên củng cố, phát triển động cơ học tập của bản thân thì khi gặp khó khăn có xu hướng nản lòng, đổi hướng (đi làm, lập gia đình...) hoặc dừng lại (thôi học, bỏ học). Để có thể củng cố xu hướng

cho sinh viên nhằm giúp các em hoàn thành được khóa học của mình thi trước tiên, cần có sự hiểu biết nhất định về thực trạng động cơ học tập của các em.

Bảng 3: Động cơ học tập của sinh viên Trường đại học Thăng Long

Những biểu hiện về động cơ học tập	M	SD	Các phương án trả lời (%)			
			Hoàn toàn sai	Về cơ bản là sai	Về cơ bản là đúng	Hoàn toàn đúng
ĐCa1. Học để nâng cao trình độ của bản thân	3,35	0,69	3,0	3,6	49,1	44,3
ĐCa2. Học vì muốn làm chủ kiến thức	3,25	0,70	2,2	8,4	51,4	38,0
ĐCa3. Học để thực hiện ước mơ của mình	3,27	0,76	2,7	11,0	43,2	43,1
ĐCa4. Học để muốn hoàn thiện nhân cách	3,34	0,69	1,6	7,7	45,7	45,0
ĐCa5. Học để trở thành người có ích cho xã hội	3,38	0,69	1,4	7,7	42,7	48,2
<i>Nhóm Động cơ hoàn thiện tri thức</i>	<i>3,31</i>	<i>0,59</i>				
ĐCa6. Học nhằm đáp ứng mong đợi của cha mẹ	2,88	0,84	6,3	23,4	46,8	23,5
ĐCa7. Học vì muốn là người có bằng cấp trong xã hội	3,05	0,81	5,0	15,5	48,7	30,8
ĐCa8. Học vì muốn trở thành người có địa vị cao trong xã hội	3,15	0,79	3,6	13,7	46,4	36,3
ĐCa9. Học để không thua kém bạn bè	2,95	0,89	7,9	18,5	44,3	29,3
<i>Nhóm Động cơ quan hệ xã hội</i>	<i>3,01</i>	<i>0,66</i>				
<i>Nhóm Động cơ học tập</i>	<i>3,16</i>	<i>0,53</i>				

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sinh viên Trường Đại học Thăng Long có động cơ học tập ở mức cao ($M = 3,16$) và động cơ hoàn thiện tri thức cao hơn động cơ quan hệ xã hội ($M = 3,31$ so với $M = 3,01$).

Trong nhóm động cơ hoàn thiện tri thức, động cơ “*Học để trở thành người có ích cho xã hội*” được các em sinh viên đánh giá cao nhất ($M = 3,38$). Ngay từ khi còn học tiểu học, phổ thông trung học các em sinh viên đã được

trang bị, giáo dục các kiến thức, kỹ năng để tiến tới lý tưởng này ("*Nghe lời, có hiếu với cha mẹ*" - N.T.T., sinh viên năm thứ nhất ngành Truyền thông đa phương tiện; "*Luôn có trách nhiệm với việc học tập của mình*" - L.Q.Đ., sinh viên năm thứ tư, ngành Công nghệ thông tin; "*Luôn giữ đúng lời hứa của mình*" - T.T.Đ., sinh viên năm thứ ba ngành Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành).

Tiếp theo là hai động cơ "*Học để nâng cao trình độ của bản thân*" và "*Học để hoàn thiện nhân cách*" được sinh viên đánh giá xấp xỉ ngang nhau ($M = 3,35$ và $3,34$). Có thể nhận thấy, hai động cơ mà sinh viên đánh giá cao nhất là "học để trở thành người có ích cho xã hội" và "nâng cao trình độ của bản thân" tương ứng với động cơ "muôn hoàn thiện nhân cách". Luôn có ý thức, tự giác ("*Đi học sớm để ngồi bàn đầu nghe giảng cho tập trung*" - N.K.T., sinh viên năm thứ hai ngành Kế toán) để hoàn thành việc học tập, để nâng cao trình độ của bản thân (49,1% sinh viên trả lời cơ bản là đúng và 44,3% sinh viên cho là hoàn toàn đúng) chính là biểu hiện của sự hoàn thiện nhân cách (45,7% sinh viên cho là cơ bản đúng và 45% sinh viên đánh giá hoàn toàn đúng) của đa số sinh viên.

Hai động cơ "*Học để thực hiện ước mơ của mình*" và "*Học vì muốn làm chủ kiến thức*" ($M = 3,27$ và $3,25$) tuy ở mức điểm khá cao nhưng sinh viên lại đánh giá thấp nhất trong nhóm động cơ hoàn thiện tri thức. Đi sâu về vấn đề này, chúng tôi nhận thấy sinh viên vẫn còn khá mơ hồ với cụm từ "ước mơ" ("*Học để đạt tích lũy các môn học và sớm ra trường chủ em chưa dám nghĩ đến ước mơ về công việc trong tương lai*" - H.Q.T., sinh viên năm thứ ba ngành Y tế công cộng) và "làm chủ kiến thức" ("*Học với mục đích để kiểm tra và thi cho tốt chứ em nghĩ đến bao giờ em mới làm chủ được kiến thức*" - N.D.H., sinh viên chuyên ngành Tài chính). Bản thân sinh viên cũng tự hiểu rằng, muốn duy trì được cuộc đời sinh viên để đi đến kết thúc tốt đẹp thì mọi hành động và suy nghĩ phải luôn hướng vào thực tế, nếu không muốn đi lệch con đường dẫn tới tương lai.

Trong nhóm động cơ quan hệ xã hội, động cơ "*Học để sau này kiếm tiền*" được sinh viên đánh giá cao nhất ($M = 3,51$). đây là động cơ thực tế mà mỗi sinh viên sau khi tốt nghiệp đều mong muốn thực hiện (với 37,2% sinh viên thừa nhận cơ bản là đúng và 57,3% sinh viên khẳng định hoàn toàn đúng). Một số sinh viên đã chia sẻ: "*Cố gắng học giỏi kiếm được tiền để tự nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình*" - sinh viên năm thứ tư ngành Quản trị dịch vụ Du lịch - Lữ hành; "*Học xong kiếm được tiền sẽ có được cuộc sống tự do*" - sinh viên năm thứ ba ngành Khoa học máy tính.

Tiếp theo là động cơ "*Học để khẳng định bản thân*" ($M = 3,29$), đây chính là động lực mạnh mẽ của nhiều sinh viên Trường Đại học Thăng Long.

Mong muốn có được vị trí, chỗ đứng vững vàng trong xã hội, thể hiện sự tôn tại có ý nghĩa của bản thân mình trong cuộc đời là nguyện vọng chính đáng của mỗi sinh viên khi mới bắt đầu bước qua ngưỡng cửa trường đại học. Tuy nhiên, D.T.N., sinh viên năm thứ tư ngành Công tác xã hội cho biết “*Để khẳng định được bản thân và có thể tự lập, trở thành người lớn trong mắt cha mẹ mình không phải là điều dễ dàng*”. Vì thế có cơ hội khẳng định những tri thức đã được tích lũy, khẳng định khả năng học tập, sáng tạo, khẳng định nhân cách, phẩm chất là sự phấn đấu, học tập, rèn luyện không ngừng của mỗi cá nhân.

Động cơ “*Học vì muốn trở thành người có địa vị cao trong xã hội*” là động cơ được đánh giá cao thứ ba ($M = 3,15$) và cũng là động cơ được sinh viên Trường Đại học Thăng Long nhận định ở mức cao với lý do “*Bố em làm sếp, xe đưa người đón thích lắm*” - H.V.S., sinh viên năm thứ hai ngành Điều dưỡng; “*Có địa vị cao sẽ kiếm được nhiều tiền để có được cuộc sống sung túc*” - B.Q.K., sinh viên năm thứ tư ngành Việt Nam học; “*Để oai vì có quyền lực*” - Đ.V.C., sinh viên năm thứ ba ngành Toán - Tin. Tất cả những động cơ này đều xuất phát từ thực tế cuộc sống và chịu ảnh hưởng bởi nét tính cách và hành vi ứng xử của mỗi cá nhân.

Còn lại hai động cơ “*Học để không thua kém bạn bè*” và “*Học nhằm đáp ứng mong đợi của cha mẹ*” ($M = 2,95$ và $2,88$) cũng được sinh viên đánh giá không thấp nhưng có mức điểm trung bình thấp nhất trong nhóm này. Trên thực tế, nhiều sinh viên tin rằng, ganh đua trong học tập là công cụ giúp các em thành công trong học tập ở hiện tại và thành công trong sự nghiệp tương lai (“*Phải cố gắng học để điểm cao hơn bạn II.*” - Q.T.P., sinh viên năm thứ ba chuyên ngành Ngân hàng; “*Phấn đấu học giỏi Toán để bạn gái không coi thường*” - sinh viên năm thứ tư ngành Toán - Tin). Cha mẹ thường có xu hướng tạo áp lực học tập cho con để giúp con có được tri thức và biết cách ứng xử với mọi người trong xã hội nên các em cũng thể hiện sự cố gắng của mình như “*Đạt điểm cao để cha mẹ vui lòng*” (P.T.P., sinh viên năm thứ hai ngành Công tác xã hội); “*Học tốt để sau này có đủ kiến thức, làm được ở ngân hàng mà cha mẹ đã nhắm chỗ cho*” (L.T.H., sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Ngân hàng).

Tóm lại, đa số sinh viên Trường Đại học Thăng Long có động cơ hoàn thiện tri thức nổi trội hơn động cơ quan hệ xã hội. Ở nhóm động cơ hoàn thiện tri thức, động cơ của sinh viên thể hiện rõ rệt qua các khía cạnh: học để trở thành người có ích cho xã hội và học để nâng cao trình độ của bản thân. Trong nhóm động cơ quan hệ xã hội, động cơ nổi bật của sinh viên là: học để sau này kiếm tiền và khẳng định bản thân.

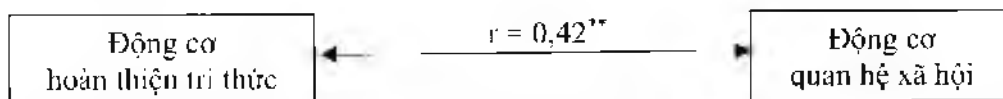
Kết quả so sánh động cơ học tập, động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội của sinh viên Trường Đại học Thăng Long theo các tiêu chí cho

thấy, nữ sinh viên có động cơ học tập (với độ chênh lệch về điểm trung bình giữa hai nhóm khách thể là $M = 0,10$ và $p < 0,05$) và động cơ hoàn thiện tri thức (chênh lệch điểm trung bình là $0,13$ và $p < 0,01$) cao hơn nam sinh viên. Sinh viên năm thứ hai, thứ ba và thứ tư có động cơ hoàn thiện tri thức cao hơn sinh viên năm thứ nhất (chênh lệch điểm trung bình lần lượt là $0,17$; $0,12$; $0,28$ và $p < 0,01$). Kết quả này cho thấy một thực tế là càng học năm trên, động cơ học tập của sinh viên càng rõ rệt hơn so với khi mới học năm thứ nhất. Có thể nói, động cơ học tập của sinh viên là một nhân tố có đóng góp nhất định trong việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Điều đó được thể hiện qua kết quả học tập của sinh viên sau mỗi năm học⁽³⁾. “Càng lên năm trên, em càng thấy cần phải học để nâng cao trình độ, phải học thì mới trở thành người có ích cho xã hội sau này, vì xác định được như vậy, nên em đã lên lớp đầy đủ, chịu khó nghe giảng, làm bài tập thầy cô giao. Ngoài việc học ở trường, em và nhiều bạn khác còn tranh thủ thời gian đi thư viện đọc sách tìm kiếm thêm kiến thức. Vì thế kết quả học tập của chúng em ngày càng được cải thiện tốt hơn so với năm đầu vào trường” (B.Q.K., sinh viên năm thứ tư ngành Việt Nam học). Nam sinh viên sau khi tốt nghiệp kiếm được việc làm thuận lợi và có mức lương cao hơn nữ sinh viên⁽⁴⁾.

Bảng 4: Độ chênh lệch điểm trung bình về động cơ học tập (M) giữa các nhóm khách thể

Các nhóm động cơ học tập của sinh viên	Nam so với nữ	Năm thứ nhất		
		So với năm thứ hai	So với năm thứ ba	So với năm thứ tư
Động cơ hoàn thiện tri thức	-0.13**	-0.17*	-0.12**	-0.28*
Động cơ quan hệ xã hội				
Động cơ học tập	-0.10*	0.13*		

Ghi chú: (*): khi $p < 0,05$; (**): khi $p < 0,01$



Ghi chú: Trên sơ đồ hiển thị giá trị có ý nghĩa thống kê với r^{**} , khi $p < 0,01$ và r là hệ số tương quan pearson

Sơ đồ 1: Tương quan giữa động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội của sinh viên Trường Đại học Thăng Long

Động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội có mối tương quan thuận và tương đối chặt với hệ số tương quan $r = 0,42$ ($p < 0,01$). Điều này có nghĩa là nếu sinh viên Trường Đại học Thăng Long có động cơ hoàn thiện tri thức cao thì động cơ quan hệ xã hội cũng cao và ngược lại. Có thể nói, giữa động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội có mối liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời.

3.2. Điều kiện học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long

3.2.1. Điều kiện cơ sở vật chất của Trường Đại học Thăng Long

Bảng 5: Đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thăng Long về điều kiện cơ sở vật chất

Những biểu hiện về điều kiện cơ sở vật chất	M	SD	Các phương án trả lời (%)			
			Hoàn toàn sai	Về cơ bản là sai	Về cơ bản là đúng	Hoàn toàn đúng
ĐKa1. Phòng học, phòng thực hành khang trang	3,46	0,65	1,9	2,8	42,3	53,0
ĐKa2. Các trang thiết bị phục vụ dạy và học (bàn, máy tính, máy chiếu...) hiện đại, phù hợp	3,48	0,63	1,6	2,8	41,3	54,3
ĐKa3. Các ứng dụng trực tuyến phục vụ quá trình dạy và học đầy đủ, phù hợp	3,41	0,67	1,3	6,2	42,7	49,8
ĐKa4. Tài liệu, giáo trình của mỗi học phần được thông báo đầy đủ, đa dạng	3,31	0,66	1,4	6,6	51,3	40,7
ĐKa5. Nguồn tài liệu tham khảo trong thư viện phong phú, đa dạng	3,29	0,67	1,7	6,9	51,6	39,7
Nhóm Điều kiện cơ sở vật chất	3,39	0,55				

Cơ sở vật chất của trường đại học là một trong những điều kiện thiết yếu đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho thị trường lao động. Kết quả khảo sát thực tiễn được hiện thị ở bảng 5 cho thấy, điều kiện về cơ sở vật chất được sinh viên đánh giá ở mức cao ($M = 3,39$). Trong đó, “Các trang thiết bị phục vụ dạy và học (bàn, máy tính, máy chiếu... hiện đại, phù hợp)” ($M = 3,48$) được đánh giá cao nhất (“Máy chiếu rõ nét giúp chúng em theo dõi bài hiệu quả” - T.T.T., sinh viên năm thứ tư ngành Toán tin; “Bàn nền xanh lá cây sẫm rất đẹp và cách bố trí đèn trong phòng học không bị bóng nên đọc rõ nét chữ của các thầy cô” - L.T.H., sinh viên ngành Quản trị dịch vụ

Du lịch - Lữ hành”). Bên cạnh đó, “Phòng học, phòng thực hành khang trang” (M = 3,46) cũng là một mức điểm cao, khiến cho quá trình dạy và học diễn ra thuận lợi (“Ngồi học trong phòng đẹp dễ, khang trang, mát lịm vì điều hòa nên tiếp thu bài tốt hơn” - L.D.B., sinh viên năm thứ hai ngành Việt Nam học).

Các điều kiện cơ sở vật chất khác như “Các ứng dụng trực tuyến phục vụ hiệu quả quá trình dạy và học đầy đủ, phù hợp”; “Tài liệu, giáo trình của mỗi học phần được thông báo đầy đủ, đa dạng”; “Nguồn tài liệu tham khảo trong thư viện phong phú, đa dạng” cũng được sinh viên đánh giá ở mức cao và có giá trị gần nhau (với M tương ứng là 3,41; 3,31 và 3,29). Việc đăng ký học và thi đối với sinh viên là rất quan trọng vì nó quyết định tiến trình học tập của các em nhanh hay chậm. Để việc đăng ký học và thi diễn ra hiệu quả, nhanh chóng thì các ứng dụng trang mạng của trường cũng cần gọn, nhẹ, hoạt động được trên thiết bị di động để sinh viên có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi (“Do cách chia số lượng sinh viên đăng ký theo từng khoảng nên đăng ký học không bị nghẽn mạng” - L.Đ.T., sinh viên năm thứ ba ngành Khoa học máy tính); “Về quê tránh dịch nhưng em vẫn học trực tuyến được vì các bài giảng của thầy cô được đưa lên mạng đầy đủ tài liệu tham khảo” - P.N.P., sinh viên năm thứ hai ngành Điều dưỡng; “Ngoài những tài liệu đọc tại chỗ thì thư viện còn có nguồn tài liệu trực tuyến nên em đăng ký xin đường dẫn về đọc được dễ dàng, thuận lợi cho việc học tập” - B.K.H., sinh viên năm thứ tư ngành Kế toán).

Như vậy, những đánh giá của sinh viên với mức điểm cao nhất như các trang thiết bị phục vụ dạy và học hiện đại, phù hợp; phòng học, phòng thực hành khang trang; các ứng dụng trực tuyến phục vụ hiệu quả quá trình dạy và học đầy đủ, phù hợp là hoàn toàn phù hợp và sát với thực tế đang diễn ra tại Trường Đại học Thăng Long.

3.2.2. Điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Thăng Long

Đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thăng Long về phương pháp giảng dạy của giảng viên tuy ở mức cao nhưng thấp hơn so với đánh giá của các em về điều kiện cơ sở vật chất (M = 3,27 so với M = 3,39). Nhận định này cũng sát với tình hình thực tiễn vì một mặt, phần lớn giảng viên trong trường ở lứa tuổi 25 - 30 tuổi nên kiến thức chưa sâu và kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều. Mặt khác, tại Trường Đại học Thăng Long, sinh viên được yêu cầu và đăng ký giảng viên giảng dạy và được đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, nên giảng viên cần phải trau dồi tri thức, cải thiện phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy học.

Bảng 6: Đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thăng Long về phương pháp giảng dạy của giảng viên

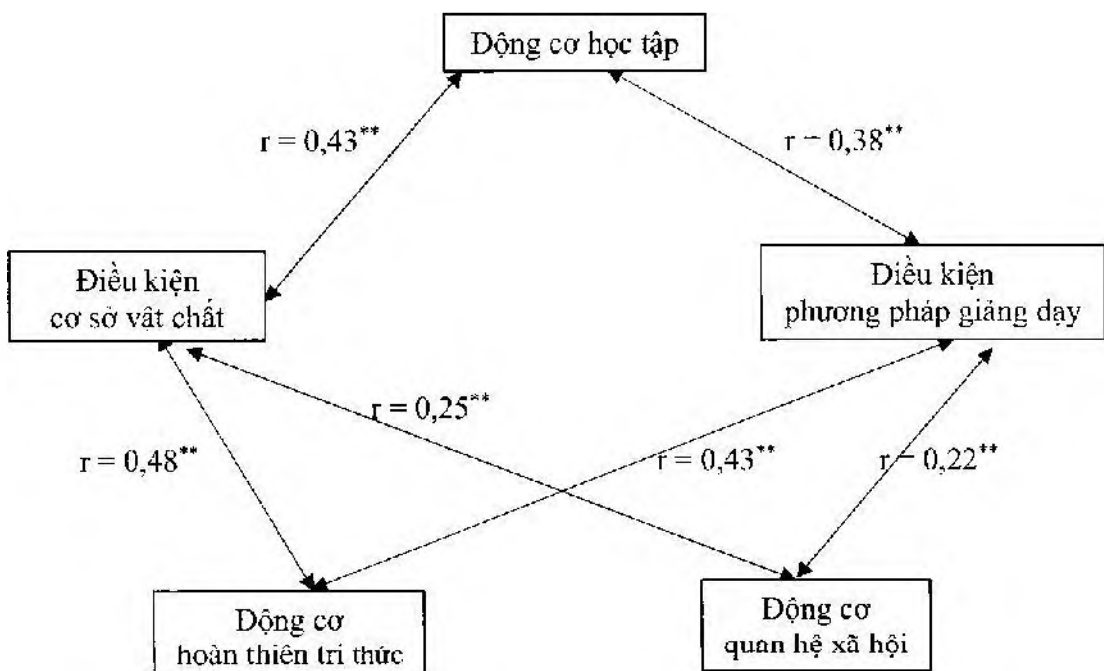
Những biểu hiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên	M	SD	Các phương án trả lời (%)			
			Hoàn toàn sai	Về cơ bản là sai	Về cơ bản là đúng	Hoàn toàn đúng
Dka6. Giảng viên có khả năng truyền đạt hấp dẫn, sinh động, dễ hiểu	3,17	0,68	1,7	10,9	56,5	30,9
Đka7. Giảng viên có phương pháp giảng dạy hiệu quả, tạo cơ hội cho sinh viên thực hành và đưa ra ý kiến phản hồi	3,28	0,65	1,3	7,1	54,4	37,2
Dka8. Giảng viên đưa ra những ví dụ minh họa từ thực tiễn hay, dễ hiểu, phù hợp với trình độ của sinh viên	3,33	0,64	0,9	6,2	51,4	41,5
Đka9. Giảng viên tích cực, chủ động và sáng tạo khi giảng dạy, hướng dẫn sinh viên	3,30	0,65	1,3	6,6	52,7	39,4
Nhóm Phương pháp giảng dạy	3,27	0,57				

Kết quả được trình bày ở bảng 6 cho thấy, tuy trong những bài giảng của mình, “Giảng viên đưa ra những ví dụ minh họa từ thực tiễn hay, dễ hiểu, phù hợp với trình độ của sinh viên” (M = 3.33) được sinh viên đánh giá cao nhất (“Có ví dụ kèm theo nên em dễ liên hệ thực tế và thấy dễ hiểu hơn” - N.T.K., sinh viên năm thứ nhất ngành Công tác xã hội). Vì đa số các thầy cô đều trẻ tuổi nên trong các giờ lên lớp “Giảng viên tích cực, chủ động và sáng tạo khi giảng dạy, hướng dẫn sinh viên” (M = 3,30) cũng được sinh viên nhận xét tích cực (“Lớp em học đầu giờ chiều nên hay buồn ngủ và cô giáo đã nghĩ ra những trò chơi tư duy thú vị liên quan đến bài học khiến chúng em ham chơi tỉnh cả ngủ” - B.N.A., sinh viên ngành Khoa học máy tính năm thứ ba). “Giảng viên có phương pháp giảng dạy hiệu quả, tạo cơ hội cho sinh viên thực hành và đưa ra ý kiến phản hồi” và “Giảng viên có khả năng truyền đạt hấp dẫn, sinh động, dễ hiểu” (M = 3,28 và 3,17) được sinh viên đánh giá ở mức điểm thấp nhất nhưng vẫn ở mức cao (“Những thầy cô tạo được cơ hội cho chúng em thực hành bài học trên lớp hiệu quả đều đã có kinh nghiệm giảng dạy rất lâu năm” - T.V.P., sinh viên năm thứ tư ngành Quản trị dịch vụ Du lịch - Lữ hành; “Cô môn em học thấy rất cuốn hút và nhanh hết giờ, nhưng cũng có những môn mặc dù em rất yêu thích nhưng cách giảng của thầy cô chưa sinh

động nên rất dễ gây huân ngữ” - N.T.H., sinh viên năm thứ hai chuyên ngành Tài chính).

Có thể nói, những nhận xét của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên là tương đối chính xác, vì thế, hàng năm nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao khả năng ngoại ngữ, tin học và chuyên môn cho giảng viên. Cùng với quá trình tự học, tự đào tạo mà trình độ giảng viên ngày càng được nâng cao giúp giảng viên cải thiện phương pháp giảng dạy, từ đó giúp sinh viên học tập có hiệu quả.

3.3. Ảnh hưởng của điều kiện học tập đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long



Ghi chú. r là hệ số tương quan Pearson, với r^{**} : khi $p < 0,01$.

Sơ đồ 2: Tương quan giữa động cơ học tập và điều kiện học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long

Kết quả kiểm định tương quan Pearson cho thấy, giữa từng cặp động cơ học tập, động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội với điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện phương pháp giảng dạy có mối tương quan thuận với nhau.

Động cơ hoàn thiện tri thức có tương quan thuận chặt nhất với điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện phương pháp giảng dạy ($r = 0,48$ và $0,43$; $p < 0,01$). Tiếp theo là mối tương quan thuận giữa động cơ học tập với điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện phương pháp giảng dạy ($r = 0,43$ và $0,38$; $p < 0,01$). Mối tương quan của từng cặp nhân tố này cho thấy logic của các mối quan hệ giữa chúng. Điều đó có nghĩa là động cơ hoàn thiện tri thức càng cao thì điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện phương pháp giảng dạy càng tốt và ngược lại, điều kiện học tập của sinh viên càng tốt thì các em càng có động cơ hoàn thiện tri thức. Kết quả này cũng tương ứng với ý nghĩa là động cơ học tập của sinh viên càng có định hướng khi trường ngày càng đầu tư cơ sở vật chất và phương pháp giảng dạy của giảng viên càng được nâng cao.

Động cơ quan hệ xã hội có tương quan thuận kém chặt chẽ nhất với điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện phương pháp giảng dạy của giảng viên ($r = 0,25$ và $0,22$; $p < 0,01$). Tuy tương quan này không mạnh nhưng có ý nghĩa thống kê cũng cho thấy động cơ quan hệ xã hội có mối liên hệ nhất định với điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện phương pháp giảng dạy.

Bảng 7: Dự báo sự thay đổi động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long khi điều kiện học tập của các em thay đổi

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc - R^2		
	Động cơ hoàn thiện tri thức	Động cơ quan hệ xã hội	Động cơ học tập
1. Điều kiện về cơ sở vật chất	0,235***	0,062***	0,183***
2. Điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên	0,185***	0,048***	0,144***
3. Điều kiện học tập (Cơ sở vật chất và Phương pháp giảng dạy)	0,273***	0,072***	0,213***

Ghi chú: R^2 là hệ số hồi quy bậc nhất với ***: khi $p < 0,001$.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy, điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên có xu hướng dự báo động cơ hoàn thiện tri thức, động cơ quan hệ xã hội và động cơ học tập ở các mức độ khác nhau. Các biến độc lập đơn nhất như điều kiện về cơ sở vật chất hay điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên có sự thay đổi thì động cơ hoàn thiện tri thức thay đổi mạnh nhất, sau đó là động cơ quan hệ xã hội. Khi kết hợp điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên (điều kiện học tập của sinh viên) thì khả năng dự báo sự thay đổi động cơ học tập hay cả hai thành tố của động cơ này đều tăng.

Số liệu được thể hiện ở bảng 7 chỉ ra rằng, khi điều kiện về cơ sở vật chất thay đổi có thể dự báo 23,5% sự thay đổi về động cơ hoàn thiện tri thức, 6,2% về động cơ xã hội và 18,3% về động cơ học tập. Kết quả này cho thấy, điều kiện về cơ sở vật chất đóng vai trò khá quan trọng trong quá trình hình thành động cơ hoàn thiện tri thức của sinh viên và ít ảnh hưởng đến động cơ quan hệ xã hội của các em.

Khi điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên thay đổi có thể dự báo 18,5% sự thay đổi về động cơ hoàn thiện tri thức, 4,8% về động cơ quan hệ xã hội và 14,4% về động cơ học tập. Kết quả cho thấy, điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng có ý nghĩa nhất trong việc hình thành động cơ hoàn thiện tri thức của sinh viên và không ảnh hưởng nhiều đến động cơ quan hệ xã hội của các em.

Có thể nói rằng, động cơ học tập, động cơ hoàn thiện tri thức, động cơ quan hệ xã hội của sinh viên vừa phụ thuộc vào điều kiện về cơ sở vật chất, vừa phụ thuộc vào điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Nếu kết hợp cả hai nhân tố này thì khả năng dự báo sự thay đổi động cơ hoàn thiện tri thức, động cơ quan hệ xã hội và động cơ học tập của các em đều tăng lên (với tỷ lệ phần trăm dự báo lần lượt là 27,3%; 7,2% và 21,3%).

Như vậy, mức dự báo về động cơ học tập (động cơ hoàn thiện tri thức, động cơ quan hệ xã hội) của sinh viên Trường Đại học Thăng Long khi thay đổi điều kiện học tập (điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên) vừa phân tích ở trên bước đầu cho thấy, điều kiện học tập chỉ là một trong số nhân tố có ảnh hưởng đến động cơ học tập trong trường đại học của các em.

4. Kết luận

Trong môi trường học đường, nhà trường, gia đình, xã hội cần có những tác động tích cực để sinh viên hình thành và phát triển động cơ học tập đúng đắn, phù hợp với năng lực, sở thích, sở trường của bản thân và yêu cầu xã hội. Bài viết đã bước đầu phân tích động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long: động cơ học tập cao, nhóm động cơ hoàn thiện tri thức nổi trội so với nhóm động cơ quan hệ xã hội. Trong đó, động cơ của các em biểu lộ rõ rệt ở nhóm hoàn thiện tri thức qua các khía cạnh để trở thành người có ích cho xã hội và nâng cao trình độ của bản thân. Theo đó, động cơ về hoàn thiện tri thức phụ thuộc nhiều vào điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và phương pháp giảng dạy của giảng viên. Vì vậy, việc nhà trường luôn tạo một môi trường học tập tốt nhất đồng bộ cả về điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện về phương pháp giảng dạy của giảng viên sẽ giúp sinh viên hình thành và phát triển động cơ làm việc tích cực trong thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.

Chú thích

1. Dẫn theo Phạm Lộc Blog. *Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha*. <https://www.phamlocblog.com/2017/03/kiem-dinh-do-tin-cay-cronbach-alpha-spss.html>.
2. Dẫn theo Phạm Lộc Blog. *Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha*. <https://www.phamlocblog.com/2017/03/kiem-dinh-do-tin-cay-cronbach-alpha-spss.html>.
3. Nguồn: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Thăng Long. *Bảng kết quả học tập của sinh viên*.
4. Nguồn: Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí - Trường Đại học Thăng Long. *Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp*.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Minh Hạc (2011). *Tuyển tập Tâm lý học*. NXB Giáo dục. Hà Nội.
2. Phan Đình Nguyên (2013). *Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh. Số 1. Tr. 29.
3. Dương Thị Kim Oanh (2013). *Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập*. Tạp chí Khoa học. Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Số 48. Tr. 139.
4. Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2009). *Nghiên cứu khoa học trong Quản trị kinh doanh*. NXB Thống kê. Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

5. Connell J.P. (1990). *Context, self and action: A motivational analysis of self-system processes across the life-span*. In D. Cicchetti (Ed.). *The self in transition: From infancy to childhood*. P. 61 - 97. Chicago: University of Chicago Press.
6. Connell J.P. & Wellborn J.G. (1991). *Competence, autonomy, and relatedness: A motivational analysis of self-system processes*. In M.R. Gunnar & L.A. Sroufe (Eds.). *Self processes in development: Minnesota Symposium on Child Psychology*. Vol. 23. P. 43 - 77. Hillsdale, NJ: Erlbaum.
7. Deci E.L. & Ryan R.M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum Press.
8. Pintrich P.R. (1991). *Editor's comment. Current issues and new directions in motivational theory and research*. *Educational Psychologist*. Vol. 26. P. 199 - 206.
9. Stipek D. (1988). *Motivation to learn: From theory to practice*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
10. Thuy N.T. Thai, Bram De Wever, Martin Valcke (2017). *The impact of a flipped classroom design on learning performance in higher education: Looking for the best "blend" of lectures and guiding questions with feedback*. *Computers & Education: An International Journal*. Vol. 107. P. 113 - 126.